

## DI SẢN THỪA KẾ VÀ THỜI ĐIỂM XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI DI SẢN THỪA KẾ

TS. NGUYỄN MINH TUẤN\*

Theo quy định tại Điều 636 Bộ luật dân sự năm 2005, người thừa kế có các quyền và nghĩa vụ tài sản do người chết để lại kể từ thời điểm mở thừa kế. Tuy nhiên, quyền và nghĩa vụ của người để lại thừa kế có được chuyển cho người thừa kế hay không còn phụ thuộc vào việc người thừa kế nhận hay từ chối nhận di sản.

Sau khi mở thừa kế, người thừa kế có quyền nhận di sản trừ trường hợp họ từ chối nhận di sản (thời hạn từ chối nhận di sản là 6 tháng kể từ thời điểm mở thừa kế). Phần di sản là tài sản thuộc quyền sở hữu của người thừa kế kể từ thời điểm họ tiếp nhận di sản. Việc tiếp nhận di sản có thể thực hiện bằng lời nói, văn bản hoặc trực tiếp quản lý di sản. Tuy nhiên, di sản gồm nhiều loại tài sản khác nhau và thời điểm xác lập quyền sở hữu đối với các loại tài sản đó cũng khác nhau, do đó thời điểm được coi là tiếp nhận di sản cũng khác nhau.

Trong trường hợp di sản là tài sản không phải đăng ký quyền sở hữu, người thừa kế có quyền sở hữu đối với phần di sản được hưởng kể từ thời điểm tiếp nhận di sản. Đối với di sản là quyền tài sản thì người thừa kế có quyền sở hữu kể từ khi tiếp nhận các giấy tờ chứng nhận quyền tài sản của người để lại thừa kế (nếu việc chuyển quyền tài sản dạng này không phải thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền tài sản). Trên cơ sở giấy tờ đó, người thừa kế có quyền yêu cầu người có

nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ của họ.

Nếu tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, người thừa kế có quyền sở hữu kể từ thời điểm đăng ký. Việc đăng ký quyền sở hữu có thể được thực hiện tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các tổ chức khác theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận di sản hoặc đăng ký quyền sở hữu phần di sản được hưởng, người thừa kế trở thành chủ sở hữu tài sản.

Trường hợp người thừa kế chưa nhận và không từ chối nhận di sản mà chết thì quyền nhận di sản là tài sản của người đó sẽ để lại cho người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật.

Nếu di sản thừa kế là quyền sở hữu trí tuệ thì căn cứ phát sinh quyền sở hữu đối với loại tài sản này cũng có những đặc trưng riêng. Quyền sở hữu trí tuệ bao gồm quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp. Mỗi loại đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ có căn cứ xác lập và thời điểm phát sinh quyền sở hữu khác nhau, do vậy thời điểm xác lập quyền sở hữu đối với di sản thừa kế là các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ cũng không giống nhau.

Đối với quyền tác giả thì pháp luật bảo hộ quyền tác giả kể từ thời điểm tác phẩm được thể hiện dưới dạng vật chất nhất định, không phụ thuộc vào việc tác phẩm đó có đăng ký bản quyền hay không. Trong

\* Giảng viên chính Khoa luật dân sự  
Trường Đại học Luật Hà Nội

trường hợp chủ sở hữu quyền tác giả là cá nhân đã chết thì người thừa kế trở thành chủ sở hữu quyền tác giả kể từ thời điểm nhận tác phẩm. Nếu tác phẩm có đăng ký bản quyền thì cũng không bắt buộc người thừa kế phải đăng ký bảo hộ. Người thừa kế được hưởng các quyền tài sản phát sinh từ việc khai thác, sử dụng tác phẩm kể từ thời điểm tiếp nhận tác phẩm.

Đối với quyền sở hữu công nghiệp thì các đối tượng sở hữu công nghiệp được chia thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất bao gồm các đối tượng phải đăng ký bảo hộ như sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu. Nhóm thứ hai không phải đăng ký bảo hộ, gồm bí quyết kinh doanh, tên thương mại.

Căn cứ xác lập quyền sở hữu đối với đối tượng sở hữu công nghiệp là văn bằng bảo hộ. Chủ văn bằng bảo hộ có quyền chuyển giao, để lại thừa kế là đối tượng sở hữu công nghiệp. Tuy nhiên, các đối tượng là sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu chưa đăng ký bảo hộ hoặc đã nộp đơn đăng ký bảo hộ nhưng chưa được cấp văn bằng bảo hộ thì người thừa kế chưa trở thành chủ sở hữu của các đối tượng đó, bởi lẽ người có các đối tượng chưa được cấp văn bằng bảo hộ thì chính họ cũng chưa có quyền sở hữu đối với các đối tượng đó, do vậy người thừa kế sẽ được thừa kế quyền đăng ký bảo hộ để trở thành chủ sở hữu của đối tượng sở hữu công nghiệp. Hay nói cách khác, pháp luật cho phép người thừa kế tiếp tục đăng ký bảo hộ với tư cách là chủ sở hữu công nghiệp.

Khi các đối tượng sở hữu công nghiệp đã

đăng ký bảo hộ, người đứng tên trong văn bằng bảo hộ có quyền sở hữu đối với đối tượng sở hữu công nghiệp, do vậy nếu chủ văn bằng chết thì đối tượng sở hữu công nghiệp đã được cấp bằng bảo hộ trở thành di sản thừa kế. Người thừa kế có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền sang tên trong văn bằng bảo hộ. Kể từ thời điểm cấp văn bằng bảo hộ mới, người thừa kế là chủ sở hữu của đối tượng sở hữu công nghiệp được thừa kế. Đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp không phải đăng ký bảo hộ, người thừa kế có quyền sở hữu đối tượng này kể từ khi tiếp nhận đối tượng sở hữu công nghiệp. Việc tiếp nhận các đối tượng này là tiếp nhận di sản thừa kế.

Nếu di sản thừa kế là giấy tờ có giá thì thời điểm chuyển quyền sở hữu cho người thừa kế mang đặc thù riêng của việc xác lập quyền sở hữu đối với các tài sản này. Cổ phiếu, trái phiếu là hàng hoá đặc biệt lưu thông trên thị trường chứng khoán. Vì là hàng hoá đặc biệt cho nên việc xác lập quyền sở hữu đối với các loại hàng hoá này phải tuân theo những thủ tục đặc biệt có kiểm soát chặt chẽ.

Chứng khoán là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu chứng khoán đối với tài sản hoặc vốn của tổ chức phát hành. Chứng khoán được lưu thông trên thị trường chứng khoán. Hàng hoá chủ yếu trên thị trường chứng khoán gồm cổ phiếu, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Hiện nay, có hai loại thị trường chứng khoán là thị trường tập trung (đối với chứng khoán đã lên sàn) và không tập trung (OTC). Khi giao dịch các loại chứng khoán trên cả hai thị trường đều

phải thông qua trung tâm lưu ký chứng khoán.<sup>(1)</sup> Trung tâm lưu ký chứng khoán thanh toán và đăng ký quyền sở hữu chứng khoán đối với người mua được chứng khoán.

Cổ phiếu là giấy xác nhận cổ phần của cổ đông trong doanh nghiệp phát hành cổ phiếu, trên cơ sở đó xác định quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông tại công ty đã phát hành cổ phiếu. Với tư cách là hàng hoá lưu thông trên thị trường chứng khoán, cổ phiếu được chuyển dịch từ người bán sang người mua. Thông qua trung tâm lưu ký chứng khoán, người mua được chứng nhận quyền sở hữu chứng khoán. Sau khi xác lập quyền sở hữu chứng khoán, người mua có quyền chuyển nhượng, để lại thừa kế chứng khoán cho người khác. Sau khi mua, bán chứng khoán, tùy thuộc vào phương thức thanh toán, bù trừ chứng khoán (T1, T2, T3), người mua sẽ trở thành chủ sở hữu chứng khoán. Nếu họ chết thì quyền sở hữu chứng khoán trở thành di sản thừa kế.

Trong trường hợp người mua chưa được sang tên trong sổ đăng ký chứng khoán (chưa có quyền sở hữu chứng khoán đã được mua) mà chết thì chứng khoán đã được mua không thể là di sản thừa kế của người mua. Trường hợp này, người mua đang thực hiện quyền thanh toán bù trừ chứng khoán, đây là quyền tài sản của người mua trên thị trường chứng khoán. Vì vậy, quyền thanh toán bù trừ chứng khoán là di sản thừa kế được chuyển cho người thừa kế.

Trên thị trường chứng khoán ngoài cổ phiếu là hàng hoá chủ yếu, trái phiếu cũng được lưu thông. Trái phiếu thực chất là giấy tờ công nhận số vốn cho vay của trái chủ

(người cho vay) đối với tổ chức phát hành trái phiếu (người vay), theo đó trái chủ có các quyền và lợi ích tại tổ chức phát hành như quyền được hưởng lãi suất cố định và tỉ suất lãi trái phiếu không phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh, được thu hồi vốn gốc bằng mệnh giá trái phiếu ở thời điểm đáo hạn. Trên thị trường chứng khoán, người bán là tổ chức phát hành trái phiếu, người mua không có quyền sở hữu cổ phần trong tổ chức phát hành trái phiếu mà trở thành người cho vay dài hạn với mức lãi suất không thay đổi, còn trái phiếu là chứng chỉ cho vay. Theo pháp luật hiện hành, có hai loại trái phiếu là trái phiếu chính phủ và trái phiếu công ty. Mỗi loại trái phiếu có cơ chế phát hành và phương thức đảm bảo quyền lợi của người mua khác nhau.

Trái phiếu chính phủ là loại chứng khoán có độ tin cậy và tín nhiệm cao nhất, lãi suất của trái phiếu chính phủ thường là lãi suất chuẩn cho các loại lãi suất khác. Loại trái phiếu này do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước phát hành và người mua chắc chắn được thanh toán khi đáo hạn. Trái phiếu chính phủ có hai loại là ghi tên chủ sở hữu và không ghi tên. Đối với trái phiếu ghi tên việc chuyển nhượng, thừa kế cần phải làm thủ tục sang tên, vì vậy người nhận chuyển nhượng hoặc người thừa kế phải sang tên theo quy định thì mới trở thành chủ sở hữu đối với trái phiếu. Đối với trái phiếu chính phủ không ghi tên, người được chuyển nhượng hoặc thừa kế có quyền sở hữu kể từ khi nhận trái phiếu.

Trái phiếu công ty do công ty cổ phần phát hành nếu có đủ các điều kiện do pháp luật quy định (Điều 88 Luật doanh nghiệp).

Trái phiếu công ti là chứng chỉ ghi nhận số tiền của người mua trái phiếu cho công ti vay. Với tư cách là người cho vay, người mua có quyền yêu cầu công ti phải trả lãi suất và hoàn trả vốn gốc (quyền tài sản). Trong trường hợp công ti phá sản thì người mua trái phiếu được ưu tiên thanh toán vốn gốc và lãi suất như đã phát hành. Vì trái phiếu là chứng chỉ cho vay cho nên người mua có quyền tài sản đối với công ti phát hành trái phiếu. Nếu người mua chết, người thừa kế được hưởng các quyền tài sản do người mua trái phiếu để lại và người thừa kế trở thành trái chủ kể từ thời điểm sang tên trong sổ đăng ký trái phiếu của công ti.

Đối với tài sản không phải đăng ký quyền sở hữu thì người thừa kế trở thành chủ sở hữu đối với di sản kể từ thời điểm tiếp nhận di sản. Đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc phải tuân thủ các quy định về đăng ký tài sản thì người thừa kế chỉ trở thành chủ sở hữu khi đã hoàn tất các thủ tục đó. Trong trường hợp người chết chưa hoàn tất các thủ tục chuyển quyền sở hữu thì người thừa kế có quyền tiếp tục hoàn tất các thủ tục để trở thành chủ sở hữu đối với di sản thừa kế.

Xác định di sản và thời điểm xác lập quyền sở hữu đối với di sản có ý nghĩa trong việc hoàn thiện lý luận về di sản thừa kế. Mặt khác, sẽ làm rõ tư cách pháp lý của người thừa kế trong việc quản lý, sử dụng và định đoạt phần di sản được hưởng. Ngoài ra còn xác định đúng địa vị pháp lý của người thừa kế trong quan hệ tố tụng./.

---

(1).Xem: Quyết định số 189/2005/QĐ-TTg về việc thành lập trung tâm lưu ký chứng khoán.

## **HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH... (tiếp theo trang 26)**

tại Nghị định của Chính phủ số 49/2000/NĐ-CP ngày 12/09/2000 về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại và Nghị định của Chính phủ số 22/2006/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn nước ngoài (gọi chung là ngân hàng nước ngoài), về cơ bản đã có sự khác nhau rất nhiều về trình tự, thủ tục thành lập, các điều kiện thành lập và hoạt động; phạm vi hoạt động...;

- Xây dựng cơ chế giám sát hoạt động của các ngân hàng phù hợp với các cam kết quốc tế, để bảo đảm các TCTD được tự do hoạt động, tự do cạnh tranh trong khuôn khổ pháp luật cho phép.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của các TCTD nước ta hiện nay đang là vấn đề hết sức cần thiết nhằm giúp cho các TCTD nước ta đủ sức để hoạt động trong môi trường mới. Song song với đó là việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động cạnh tranh của các tổ chức này cũng là vấn đề không đơn giản. Pháp luật cạnh tranh không có tác dụng tạo ra thêm năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trên thị trường song các quy định pháp luật cạnh tranh lại có tác dụng rất lớn trong việc tạo lập môi trường hoạt động an toàn, bình đẳng cho các doanh nghiệp. Sửa đổi các quy định về cạnh tranh của các tổ chức có hoạt động ngân hàng và tiến tới xây dựng các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động cạnh tranh của các tổ chức này phù hợp với nền kinh tế thị trường là vấn đề cần thiết và cấp bách. Thiết nghĩ, trong quá trình xây dựng Dự thảo Luật các TCTD sửa đổi, vấn đề này cũng cần được quan tâm thích đáng./.